

## Vai trò của gia đình nông thôn đồng bằng sông Hồng trong vấn đề giải quyết việc làm cho con cái

LÊ MẠNH NĂM

Từ cuối những năm 80, cùng với vai trò là đơn vị kinh tế tự chủ ở nông thôn, trách nhiệm lo công ăn việc làm cho con cái của gia đình cũng tăng lên. Vậy thì, từ việc định hướng học hành đến giải quyết việc làm cho con cái, các gia đình nông thôn thực hiện vai trò này như thế nào? Điều kiện và khả năng để thực hiện vai trò đó ở từng nhóm hộ ra sao? Có vấn đề gì cần đặt ra từ chức năng xã hội hóa của gia đình? Rất có thể, vai trò và khả năng xã hội hóa đó của đa số gia đình đang gặp nhiều bất cập, mà lý do không chỉ từ điều kiện kinh tế - nghề nghiệp của họ mà phần quan trọng còn ở những quan niệm, giá trị xã hội vốn từ thời bao cấp và xa hơn nữa là truyền thống. Thấy rõ những yếu tố xã hội đang chi phối làm hạn chế khả năng thực hiện vai trò hướng nghiệp cho con cái của gia đình có thể sẽ giúp tìm ra các giải pháp tác động hữu hiệu cho vấn đề này.

Từ kết quả khảo sát 600 hộ năm 1997 ở 3 xã thuộc đồng bằng sông Hồng (trong khuôn khổ đề án VNRP - BNT 009), chúng tôi muốn góp phần trả lời một số vấn đề đã nêu trên.

### 1. Tình trạng thiếu việc làm và mong muốn nghề nghiệp cho con cái ở gia đình qua 3 xã khảo sát

#### *a/ Tình trạng thiếu việc làm ở gia đình và làng xã*

Ba xã được khảo sát là: xã Tam Sơn (Tiên Sơn, Bắc Ninh), còn nặng thuần nông, mức sống trung bình; Xã Đa Tốn (Gia Lâm, Hà Nội), có ngành nghề đang phát triển, mức sống khá; và Vũ Hội (Vũ Thư, Thái Bình), có làm nghề truyền thống, mức sống khá. Qua khảo sát, chung cả ba xã vẫn có 43,0% hộ trả lời "*gia đình thiếu việc làm*".

*Trước hết*, do quỹ đất ít, không thể bố trí hết lao động trong gia đình. Bình quân diện tích đầu người năm 1997 ở Tam Sơn là 1,87 sào; Đa Tốn 1,42 sào và Vũ Hội chỉ 1,13 sào. Theo ước tính của địa phương, mặc dù hệ số sử dụng đất đai đã từ 2,25-2,3 lần, việc trồng trọt cũng chỉ thu hút 1/4 đến 1/3 công lao động trong năm. Thu nhập từ trồng trọt năm 1996 ước tính bình quân đầu người/tháng ở Tam Sơn là 94.347 đồng; ở Đa Tốn là 68.050 đồng, và ở Vũ Hội là 64.161 đồng. Người dân ở cả ba xã cho biết, vì thế "*làm ruộng giỏi lắm cũng chỉ đủ ăn*".

*Sau nữa*, ngoài *trồng trọt* và *chăn nuôi*, các gia đình ở từng làng xã đã tìm kiếm thêm việc làm ở khu vực *phi nông*. Các nghề tiểu thủ công nghiệp như làm gốm sứ, may

da, ... đã có 25,0% hộ hoạt động ở Đa Tốn; nghề chế biến nông sản như bún, bánh đa có 34,4% hộ làm ở Vũ Hội. Dịch vụ - buôn bán cũng đã có mặt ở các làng xã. Đáng chú ý hơn, đa số gia đình (từ 59,5% đến 64,5% qua các xã) đang làm thêm ở nhóm "*nghề khác*". Tuy gọi là nghề nhưng đó chỉ là những việc làm lặt vặt, thất thường như đánh giấy giáp thuê ở Tam Sơn, thu gom phế liệu ở Vũ Hội... Tuy thế, số lao động chỉ làm nông nghiệp vẫn chiếm tỷ lệ lớn 38,3% và mức so lệch giữa 3 xã là 10%. Nhóm hộ *thuần nông* vẫn có tỷ lệ trả lời "*thiếu việc làm*" cao nhất (Tam Sơn 60,0%, Đa Tốn 55,0% và Vũ Hội 57,0%). Do *thiếu việc làm* nên có tới 52,0% lao động phải *kết hợp* làm thêm từ 2 đến 3 việc làm phi nông khác nhau. Số lao động *chuyên phi nông* rất hạn chế, chỉ 9,67% ở cả ba xã.

*Gia đình thiếu việc làm*, tất nhiên, sẽ là trở ngại trước tiên khiến bố mẹ phải lo công ăn việc làm cho con cái.

#### b/ Tình trạng "*chưa có việc làm*" của con cái.

Về việc làm của con cái, không chỉ bố mẹ mà ngay cả cán bộ địa phương đều có cách nghĩ và trả lời chung, rằng "*các cháu*" hoặc "*đa số thanh niên mới lớn chưa có việc làm*". Tại sao có trả lời như vậy?

Ở Tam Sơn, thống kê xã ước tính khoảng 700 - 800 lao động là thanh niên mới lớn, có cả số đi bộ đội về, chưa có việc làm chiếm 22,0% lao động trong xã. Đây là không kể số thanh niên đi làm phụ nề, hoặc theo lẩn vào đoàn người, khoảng 400, đi đánh giấy giáp thuê cho xã Đông Kỳ và quay sợi cho xã Tương Giang. Cán bộ xã giải thích thêm: xã không có thanh niên lêu lổng, nói *chưa có việc làm* thực sự thì không hẳn vì ai cũng được chia ít nhất một sào ruộng. Nhưng nói số này *đã có việc làm* thì cũng không ổn. Họ giúp đỡ bố mẹ làm ruộng, nhưng chưa gấn bó. Với người dân xã thì có *việc làm* hay có *tay nghề*, nếu không thoát ly làm ở đâu đó, thì ít ra cũng thạo nghề như xây, mộc, may vá ... để có nguồn thu riêng. Chỉ trông vào sào ruộng thì sao gọi là có *việc làm*? Ở Vũ Hội, thống kê đưa ra con số thấp hơn, chỉ khoảng 200 thanh niên mới lớn chưa có việc làm. Vũ Hội từ lâu vốn tự hào là "*đất trăm nghề*" và xã cũng đưa ra con số khoảng 600 lao động, chủ yếu là thanh niên mới lớn thường xuyên đi thu gom phế liệu ở ngoài xã. Ở Đa Tốn tình hình có khả quan hơn do có nghề gốm sứ mới phát triển. Năm 1994, xã có 100 lò gốm, ước tính thu hút 1/3 lao động trong xã. Năm 1997, số lò đếm được là 184 lò. Lao động thanh niên làm các việc như vận chuyển, khâu vá, đồ cốt và cả vẽ trang trí gốm. Xã còn có 30-40 hộ cho con cái theo nghề may da học được từ làng Kiều Kỳ. Ngành nghề đang phát triển cũng kéo theo các hoạt động dịch vụ - buôn bán như ăn uống, dịch vụ điện tử, uốn sấy tóc, ... thu hút số thanh niên khác. Tuy nhiên, cũng theo thống kê vẫn còn khoảng 450 lao động chưa có việc làm, chiếm 14,0% lao động trong xã.

Tình trạng "*đa số thanh niên mới lớn lên chưa có việc làm*", như quan niệm trên, đã đặt ra những *vấn đề xã hội* về việc làm, nghề nghiệp cho thế hệ lao động mới. Tuy chưa có việc làm nhưng cũng không thể nói là thất nghiệp hay bị bỏ rơi. *Chưa có việc làm*, trước hết, vì bố mẹ cũng *chưa đủ việc làm* và tìm thêm việc làm là rất khó khăn, bởi nhiều lý do. Nhưng phần quan trọng, có thể còn ở định hướng hay kỳ vọng rằng con cái sẽ làm một việc gì khác, ở đâu đó.

#### c. Những mong muốn nghề nghiệp cho con cái

Với câu hỏi "ông (bà) muốn con cái làm nghề gì?" Kết quả như sau:

**Bảng 1: Muốn cho con trai làm nghề gì ? (Tính theo các xã)**

	Tam Sơn	Đa Tốn	Vũ Hội	Tổng
Nông nghiệp	0,7	2,2	2,7	<b>1,8</b>
Tiểu thủ công nghiệp	3,3	6,7	0,0	<b>3,5</b>
Buôn bán - dịch vụ	1,3	0,0	0,9	<b>0,8</b>
Cán bộ nhà nước	45,0	51,9	43,6	<b>47,0</b>
Cán bộ quản lý	0,0	0,7	0,0	<b>0,3</b>
Miễn là có thu nhập cao	5,3	2,2	0,9	<b>3,0</b>
Nghề khác	6,6	5,9	3,6	<b>5,6</b>
Tùy các cháu	35,0	39,6	48,2	<b>36,9</b>
Không trả lời	2,6	0,7	0,0	<b>1,3</b>
<b>Tổng số hộ trả lời</b>	<b>151</b>	<b>135</b>	<b>110</b>	<b>396</b>

**Bảng 2: Muốn cho con gái làm nghề gì ? (Tính theo các xã)**

	Tam Sơn	Đa Tốn	Vũ Hội	Tổng
Nông nghiệp	5,6	1,9	2,8	<b>3,7</b>
Tiểu thủ công nghiệp	5,6	10,5	3,7	<b>6,5</b>
Buôn bán - dịch vụ	4,9	1,9	0,9	<b>2,8</b>
Cán bộ nhà nước	38,7	49,5	35,5	<b>41,0</b>
Cán bộ quản lý	0,0	1,0	0,0	<b>0,3</b>
Miễn là có thu nhập cao	0,7	1,0	1,9	<b>1,1</b>
Nghề khác	6,3	1,9	4,7	<b>4,5</b>
Tùy các cháu	35,2	31,4	50,5	<b>38,7</b>
Không trả lời	2,8	1,0	0,0	<b>1,4</b>
<b>Tổng số hộ trả lời</b>	<b>142</b>	<b>105</b>	<b>107</b>	<b>354</b>

*Mong muốn* của bố mẹ cho cả con trai và con gái ở cả ba xã chỉ tập trung ở hai nhóm chỉ báo "*cán bộ nhà nước*" và "*tùy các cháu*". ở khu vực và nghề nghiệp khác chỉ dưới 10%, làm nông nghiệp hầu như không còn vị trí, làm tiểu thủ công nghiệp có khá hơn nhưng cũng chỉ phần nào ở Đa Tốn.

Nếu đối chiếu lại với những năm trước thì trạng thái định hướng trên không chỉ được *lặp lại* mà còn mạnh mẽ hơn. Chẳng hạn, năm 1990 điều tra 206 hộ ở Tam Sơn còn có 46,6% số người muốn con gái và 9,7% muốn con trai làm nông nghiệp; 62,6% muốn con trai và 21,4% muốn con gái làm việc ở khu vực nhà nước. Năm 1994, điều tra 160 hộ ở ba xã Đa Tốn, Ninh Hiệp, Bát Tràng có 15,0% muốn con gái và 1,8% muốn con trai làm các

nghề tại làng xã; 30,0% muốn con trai và 16,0% muốn con gái "thoát ly". Số để "tùy các con" là 64,3%.

Như vậy, mặc dù tìm kiếm việc làm ở khu vực nhà nước ngày càng khó khăn nhưng mong muốn đó của bố mẹ cho con cái vẫn *tăng lên*.

## 2. Khả năng thực hiện vai trò của gia đình qua một số hoạt động hướng nghiệp cho con cái

Khi thiếu việc làm thì việc định hướng và giải quyết việc làm cho con cái ở gia đình sẽ gặp khó khăn. Hơn nữa, như đã thấy, xu hướng chung của bố mẹ lại muốn con cái đi ra, vào khu vực nhà nước vẫn hơn ở nhà. Định hướng như vậy đã cho thấy những bất cập khi đối chiếu với xu hướng thuyên giảm việc làm ở khu vực nhà nước trong những năm qua. Nhưng để đánh giá sát thực hơn khả năng thực tế của từng nhóm hộ cần xem xét thêm những điều kiện, những yếu tố của gia đình đang chi phối tới vai trò hướng nghiệp, bắt đầu từ việc học chữ, học nghề đến việc tìm kiếm việc làm cho con cái.

### a. Qua việc học chữ, học nghề

Các bậc làm cha mẹ, khi được hỏi, đều thấy rõ phải cho con cái đi học để biết chữ hay phải có học vấn nhất định trước khi tính chuyện chúng sẽ làm gì. Hơn thế, ý muốn của họ còn khá cao. Chỉ rất ít người trả lời (5,5% cho con trai và 7,3% cho con gái) con cái "nên học từ cấp 2 trở xuống", trong khi đến gần một nửa (48,3% cho con trai và 44,1% cho con gái) dự tính con cái học từ cấp 3 trở lên; số còn lại trả lời "tùy khả năng các cháu" với hàm ý khuyến khích, tạo điều kiện. Nhận thức về vai trò của học vấn đã góp phần làm giảm hiện tượng bỏ học (như chỉ còn ở cấp 2: Đa Tốn có 4, Tam Sơn 5 và Vũ Hội 15 em bỏ học) và nâng cao trình độ phổ cập giáo dục (Đa Tốn được xem là phổ cập cấp 2).

So sánh các yếu tố ảnh hưởng (như tuổi, giới tính, học vấn, nghề nghiệp, mức sống) thì *học vấn của bố (mẹ) và mức sống gia đình* có vai trò rất rõ rệt: khi học vấn và mức sống tăng lên thì định hướng cho con cái theo học cao cũng tăng theo và ngược lại. Có tới 58,6% bậc phụ huynh có học vấn cấp 3 trả lời cho con trai và 47,7% cho con gái "nên học đến đại học", trong khi người học cấp 1 có tỷ lệ tương ứng là 13,0% và 14,0%. Mức độ "quan tâm thường xuyên" tới việc học hành của con cái ở người học cấp 3 cũng lệch đáng kể (59,6%) so với người cấp 1 (35,9%). *Mức sống* gia đình cũng có vai trò tương tự: 59,3% hộ giàu trả lời cho con trai và 60,0% cho con gái học đến đại học, trong khi nhóm hộ *dưới trung bình* chỉ 7,9% và 6,5% trả lời như vậy. Tuy nhiên, ảnh hưởng của học vấn và mức sống gia đình qua 3 xã có khác nhau. Xã khá như Đa Tốn, không chỉ tỷ lệ người học cấp 3 muốn con học lên đại học tăng lên (66,77%) mà nhóm hộ giàu còn cao hơn nữa (71,4%). Xã nghèo hơn như Tam Sơn tỷ lệ người học *cấp 3* muốn con học cao cũng tụt xuống (52,9%) so với tỷ lệ chung của nhóm. Tương quan đó giả định, với điều kiện đầu tư học hành như hiện nay thì dù thấy cần thiết vẫn chưa thể dự tính cho con cái học đến đại học khi kinh tế gia đình còn eo hẹp. Ở đây, nhóm hộ phi nông tỏ ra "thực tế" hơn, vì vấn đề không chỉ ở ý muốn mà quan trọng hơn là ở sự quan tâm, đầu tư. Mức độ "quan tâm thường xuyên" tới việc học hành của con cái ở nhóm phi nông đều khá cao (Đa Tốn 71,4%, Tam Sơn 65,2% và Vũ Hội 66,7%). Chính sự quan tâm thường xuyên như quản lý thời gian, bài học, tạo hứng thú, giáo dục tính độc lập, phát hiện khả năng .. là những điều kiện khá quan trọng cho tuổi học đường. Nhưng khả năng "hướng nghiệp" đó chỉ thực hiện tốt hơn ở bậc bố mẹ có kinh nghiệm. Nhìn lại kết quả học tập, như số học sinh theo đến cấp 3 có từ 20-25% và vào được đại học hàng năm chỉ chiếm từ 3-6% cùng

độ tuổi, thì cái *khả năng thực hiện mục tiêu* con cái vào đại học ở đa số gia đình vẫn còn ở trạng thái là những *vai trò mong đợi*.

Sự vắng bóng gần như hoàn toàn của định hướng và lựa chọn *học nghề* cho con cái (chỉ 2,6% cho con trai và 6,3% cho con gái) là phần *thiếu hụt lớn* trong việc hướng nghiệp ở gia đình. Do nhiều nguyên nhân, như ngành nghề chưa mở rộng, lại thiếu trường dạy nghề, thiếu thông tin nên *vấn đề học nghề* không chỉ được hình dung khác nhau mà còn *không được coi trọng*. Người này hiểu học nghề là đi học các lớp kỹ thuật nông nghiệp; người khác hình dung đó là đi học cắt may, sửa chữa xe máy, như quảng cáo trên tivi. Số khác lại cho phải chịu khó đi làm thuê để học được nghề. Do ấn tượng thấp kém như phải bằng những thủ đoạn để có nghề mà ở Vũ Hội không ai chọn *học nghề* cho con cái. ở Đa Tốn, số ít hộ muốn con học nghề lại thuộc nhóm thuần nông (11,1% cho con trai và 4,5% cho con gái); tuổi từ 60 trở lên (12,5%) và mức sống dưới trung bình (7,7%). Theo đó, *học nghề* chỉ là lựa chọn của số ít hộ thiếu lợi thế, *yếu kém*.

#### b. Qua việc định hướng và giải quyết việc làm

Về *định hướng nghề nghiệp*, như bảng 1-2 chỉ ra, phần nổi rõ là hướng tới khu vực nhà nước. Mong muốn đó cũng trùng hợp với ý định ban đầu cho con cái học cao, từ cấp 3 trở lên. Và tương tự, yếu tố *học vấn của bố mẹ* và *mức sống gia đình* cũng chi phối mạnh nhất tới định hướng đó. Nhưng ở các nghề cụ thể, vai trò của *học vấn* và *mức sống* lại có phân hóa. Chẳng hạn, nếu hộ giàu không ai muốn con cái làm nông nghiệp thì nhóm hộ nghèo, như 25,0% nhóm này ở Tam Sơn và 22,0% ở Vũ Hội, còn muốn cho con gái làm nông nghiệp. ở Đa Tốn, nghề tiểu thủ công nghiệp tuy được 21,0% hộ giàu chọn cho con trai và 25,0% cho con gái, nhưng người có học vấn cấp 3 vẫn chưa muốn chọn nghề tiểu thủ công nghiệp cho con cái. Sự *phân hóa* trong định hướng nghề nghiệp như vậy có thể giả định như là ảnh hưởng khác nhau của *giá trị* nghề nghiệp theo hình dung của từng nhóm hộ. Tuy nhiên, qua xem xét yếu tố *nghề nghiệp* gia đình thì một số hộ có nghề ổn định, thu nhập khá, cũng muốn con cái họ tiếp tục làm nghề của bố mẹ. Ở Đa Tốn, nhóm hộ *hỗn hợp* nghề có 10,3% chọn tiểu thủ công nghiệp cho con trai và 18,2% cho con gái; ở Tam Sơn, 12,0% hộ *phi nông* muốn cho cả trai và gái làm tiểu thủ công nghiệp; ở Vũ Hội, nhóm hộ chọn buôn bán - dịch vụ cao nhất, 14,3% cũng là hộ *phi nông*. Những tương quan thuận chiều như vậy, dù chưa mạnh, đã đặt ra hy vọng mới về khả năng định hướng và tự giải quyết việc làm cho con cái tại gia đình, khi những việc làm đó đem lại hiệu quả nhiều mặt cho họ.

Về *giải quyết việc làm*. Dù được nhìn nhận là "*chưa có việc làm*" nhưng con cái lớn lên vẫn được huy động vào hoạt động nghề nghiệp ở gia đình và làng xã. Hơn nữa, với cơ chế "*kinh tế tự chủ*", việc sắp xếp, bố trí lao động là trách nhiệm của từng gia đình. Để thực hiện vai trò đó, gia đình phải phát triển và mở rộng thêm ngành nghề. Như ý kiến của người lãnh đạo xã Vũ Hội: "*Các hộ phát triển ngành nghề là họ tự lo, đi học hỏi về mà làm, tự nghĩ ra mà làm...*" (Phỏng vấn 5/4/1997). Thực trạng nghề nghiệp, như đã đề cập, đã cho thấy phần nào vai trò tự chủ gia đình nông thôn. Theo đó, những gia đình giàu khá, có nghề thì khả năng giải quyết việc làm cho con cái có thuận lợi hơn. Những gia đình thiếu việc làm, con cái lớn cùng bố mẹ tìm kiếm hoặc học hỏi bè bạn mà làm. Khác với đô thị, từ lúc còn đi học con em nông thôn đã tham gia đủ việc làm có thể để giúp đỡ bố mẹ. Đến tuổi lao động, các việc như đồng áng, chăn nuôi dường như cũng đã thành thạo, đặc biệt ở các em gái. Ở Tam Sơn, "*thanh niên có nghề thì đi nơi khác xây, làm mộc. Phần lớn là đi Đông Ky làm nghề đánh giấy giáp, làm gặt, cày cho người ta ...*" (Phỏng vấn người dân ngày 17/8/1997). Ở Vũ Hội,

"không đi thoát ly được thì ở nhà xây dựng gia đình hoặc theo đội dịch vụ đi buôn bán, lấy hàng đem đi .." (Phỏng vấn lãnh đạo xã 5/4/1997); và ở Đa Tốn, "không có trình độ thì làm các lao động đơn giản, làm ngay cho các nhà bên cạnh, làm tổ xây nhỏ trong thôn, và bây giờ họ chuyển sang khu vực Bát Tràng .." (Phỏng vấn người dân ngày 28/8/1997). Qua phỏng vấn theo từng nhóm hộ, có nhiều vấn đề khó khăn được đặt ra như vốn, kỹ thuật, thị trường tiêu thụ, rồi vấn đề đi làm thuê cũng khó khăn. Hộ giàu khá, có nghề phần nào mở rộng việc làm thì thị trường tiêu thụ không ổn định, bị ép giá nên "sản xuất cầm chừng". Hộ nghèo, thiếu việc làm thì để tự con cái đi làm thuê, mặc dù "tìm kiếm việc làm là rất khó khăn". Đi sâu hơn nữa, một số người nêu vấn đề chất lượng sản phẩm, kỹ thuật và đặc biệt là đầu óc kinh doanh kém nên khó cạnh tranh. Và, sau những khó khăn, bất cập đó, nhiều chủ gia đình vẫn có ý nguyện nhà nước xây dựng nhà máy hay xí nghiệp gì đó ở gần làng xã để có thể giải quyết phần nào nhu cầu việc làm cho con em họ.

### c. Ảnh hưởng của quan niệm giá trị nghề nghiệp tới việc hướng nghiệp cho con cái

Những quan niệm và giá trị nghề nghiệp có vai trò khá quan trọng đến việc hướng nghiệp cho con cái. Có thể nêu lên vài khía cạnh chi phối của vấn đề này.

Không phải ngẫu nhiên mà đa số các bậc làm cha mẹ, đặc biệt là những người có học vấn và mức sống cao hơn lại vẫn muốn con cái họ làm cán bộ nhà nước và dường như, nếu chưa thể như thế thì để "tùy các cháu". Ở đây, trong quan niệm của nông dân, cán bộ nhà nước chưa hẳn là một nghề cụ thể nào đó mà trước hết là một vị thế, một thứ tự "lập nghiệp" cao hơn với những điều kiện việc làm được đảm bảo. Cán bộ nhà nước thì rõ ràng vẫn được coi trọng hơn nông dân, dù ở thời bao cấp trước đây hay bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay. Để có việc làm và lập nghiệp ở khu vực Nhà nước thì con cái phải học hành và thi cử nhiều hơn, mà sự hiếu học hay tiến thân bằng con đường khoa bảng lại cũng là nét đẹp truyền thống của văn hóa làng xã. Do vậy, trong cái biểu tượng về cán bộ nhà nước dường như đã kết hợp những giá trị truyền thống với việc coi trọng thành phần kinh tế Nhà nước trong mấy chục năm qua. Hướng nghiệp theo con đường đó cũng có nghĩa là thăng tiến và thành đạt xã hội. Quan niệm về giá trị hướng nghiệp như vậy đã phản ánh những giá trị xã hội, đặc biệt ở thế hệ sinh ra và lớn lên dưới thời bao cấp.

Nghề nghiệp là kết quả của sự phân công lao động xã hội. Nhưng trong quá trình phát triển, nghề nghiệp lại cũng gắn liền với những giai tầng xã hội và việc coi trọng nghề phụ thuộc vào vị thế xã hội của giai tầng đó. Ví như, thứ tự: sĩ - nông - công - thương, cũng là bảng giá trị trong xã hội truyền thống. Nay trật tự thứ bậc đã thay đổi, có thể, trước hết do giá trị kinh tế và giá trị xã hội đã phần nào được tách ra trong hình dung của người nông dân. Chẳng hạn, nếu theo đánh giá "nghề có thể làm giàu" của nông dân 3 xã nói trên thì thứ tự nghề nghiệp cũng đã được sắp xếp lại: dịch vụ - buôn bán (39,7%) - tiểu thủ công nghiệp (30,7%) - chăn nuôi (11,7%) - làm ruộng (2,7%). Nghĩa là, nếu định hướng theo mục tiêu làm giàu, như là một giá trị mới đang được Nhà nước khuyến khích, thì làm ruộng (như ở ba xã nói trên) không còn vị trí đáng kể trong định hướng cho tương lai con cái họ. Vị trí thấp kém của nghề nông còn được thể hiện như là những phản ứng về giới trong vị thế xã hội. Như ở Tam Sơn, các ông bố không ai chọn nông nghiệp cho con trai, ngược lại, các bà mẹ cũng không ai chọn nông nghiệp cho con gái. Việc chuyển dịch hay kết hợp thêm nghề khác cũng đã diễn ra. Nhưng, như đã thấy, nếu tự tìm kiếm và giải quyết việc làm cho con cái là rất khó khăn nên thực tế hoạt động nghề nghiệp cũng chưa đủ mạnh để làm chuyển dịch những quan niệm và giá trị vốn đã tồn tại và đang là cái chung của xã hội.

Như vậy, qua cách đánh giá và thẩm định giá trị nghề nghiệp của nông dân thì tuy đã có những thay đổi ở một số khía cạnh, nhưng nhìn chung, những *quan niệm* truyền thống, hơn nữa, *cách suy nghĩ* của một thời bao cấp vẫn có sức chi phối khá mạnh mẽ tới việc hướng nghiệp cho con cái trong các gia đình nông thôn.

### 3. Thay lời kết luận

Mong muốn cho con cái *thoát ly nông thôn, làm cán bộ nhà nước* vẫn đang là *định hướng* ở không ít gia đình nông thôn. Mong muốn đó còn được thể hiện như là xu hướng tiêu biểu và ngày càng mạnh hơn khi điều kiện học vấn và mức sống gia đình tăng lên. Dư luận xã hội cũng rất *coi trọng* hướng phấn đấu như vậy. Kết quả là đã tạo ra những *bất cập xã hội* khi đối chiếu với chủ trương đổi mới của nhà nước hơn 10 năm qua. Đó là, đa dạng hóa việc làm, giải quyết việc làm tại chỗ, mở rộng các thành phần kinh tế, phát triển nông thôn,...Theo đó, vai trò hướng nghiệp cho con cái ở gia đình nông thôn, dù đã được tăng lên, nhưng khả năng tự chủ của họ vẫn còn nhiều hạn chế, xét cả về mục tiêu, nội dung và hiệu quả của hoạt động hướng nghiệp. Vai trò đó, dường như vẫn còn ở trạng thái là vai trò mong đợi.

Dù vậy, trước yêu cầu việc làm và sức ép của đời sống thực tế, trách nhiệm giải quyết việc làm cho con cái trong gia đình vẫn được thực hiện theo những cách thức và khả năng thích ứng của họ. Cũng như trước đây, gia đình nông thôn đã góp phần làm ổn định tình hình kinh tế - xã hội, chúng ta vẫn có thể hy vọng ở vai trò hướng nghiệp của nó. Nhưng với cơ chế thị trường hiện nay và khi mà nhịp phát triển và chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp đang có xu hướng chững lại thì việc tìm ra nguyên nhân cản trở vai trò tự chủ của gia đình trong việc hướng nghiệp cho con cái là rất quan trọng.

Những hạn chế trong hoạt động kinh tế - nghề nghiệp ở nông thôn hiện nay có thể được giải thích như là những điều kiện trực tiếp, quyết định việc hướng nghiệp cho con cái. Nhưng trong hình dung của người nông dân thì vấn đề làm nghề gì, ở đâu ngoài khía cạnh kinh tế, thu nhập, phần quan trọng còn là cái “tiếng”, cái “thế”, cái giá trị mà nghề nghiệp gắn với vị trí xã hội đem lại. Đã từ lâu trong quan niệm, cách nghĩ và đánh giá của xã hội đã như vậy. Những thay đổi trên thực tế vẫn chưa đủ mạnh để nông dân có cách đánh giá khác. Vậy có thể hạn chế những bất cập và cách biệt xã hội đó như thế nào ?

Qua tìm hiểu vai trò hướng nghiệp ở gia đình nông thôn, theo chúng tôi, giải pháp trước hết là cần có những thay đổi lớn hơn nữa trong nội dung giáo dục hướng nghiệp của xã hội, chú trọng tới dạy nghề và sau nữa là những tháo gỡ trong thị trường “đầu ra”. Trong đó, sự phối hợp mới giữa các vai trò nhà nước và người dân là rất quan trọng. Do vậy, các giải pháp chính sách phát triển nghề nghiệp ở nông thôn cần cụ thể theo “hợp đồng trách nhiệm”, có sự tham dự của cộng đồng, gia đình, để khuyến khích tính tự chủ và nâng cao vai trò của họ trong việc giải quyết vấn đề hướng nghiệp và việc làm cho thanh niên nông thôn hiện nay.